

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày: 19/8/2025
V/v tranh chấp đòi tài sản là
tiền công lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 281/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “Đòi tài sản là tiền công lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Nay là khu phố P, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lưu Văn Hoàng A, sinh năm 1983, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 19/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:**

Do quen biết với nhau, anh làm thợ chăm sóc kiểng cho anh Lưu Văn Hoàng A với số tiền công lao động tính theo ngày là 500.000 đồng/ngày. Nhưng đến khoảng thời gian gần đây, anh Lưu Văn Hoàng A thường xuyên chậm trễ trong việc thanh toán tiền công cho anh. Nhiều lần anh đã liên hệ trao đổi với anh

Hoàng A để giải quyết số tiền công mà anh Hoàng A còn thiếu anh và đã chốt lại số tiền là 87.000.000 đồng (Có đoạn ghi âm đính kèm), anh Hoàng A hứa sẽ trả lại cho anh số tiền này. Tuy nhiên từ khi chốt nợ đến nay, anh đã nhiều lần liên hệ anh Hoàng A nhưng anh Hoàng A cố tình hứa hẹn nhiều lần vẫn không thực hiện.

Nay anh khởi kiện yêu cầu anh Lưu Văn Hoàng A trả cho anh số tiền công lao động là 87.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, anh L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 9.350.000 đồng. Anh L chỉ khởi kiện yêu cầu anh Hoàng A trả số tiền là 77.650.000 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng anh Hoàng A vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lưu Văn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh L xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 9.350.000 đồng. Nay anh L chỉ khởi kiện yêu cầu anh Hoàng A trả số tiền là 77.650.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L về việc yêu cầu anh Lưu Văn Hoàng A trả số tiền 9.350.000 đồng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L yêu cầu bị đơn anh Lưu Văn Hoàng A trả tiền công chăm sóc kiểng mà anh đã làm cho anh Hoàng A. Bị đơn có địa chỉ tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp). Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166 của Bộ luật dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài

sản là tiền công lao động”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp: Vi bằng số 28/2025/VB-TPL ngày 26/6/2025 và Vi bằng số 29/2025/VB-TPL ngày 26/6/2025 cùng với đoạn ghi âm và các tin nhắn giữa anh L và anh Hoàng A thể hiện nội dung anh L có làm công cho anh Hoàng A và hai bên có chốt lại số tiền công mà anh Hoàng A còn nợ lại anh L là 77.650.000 đồng. Qua đó, cho thấy thực tế giữa anh L đã thực hiện công việc chăm sóc kiểng cho anh Hoàng A nhưng đến nay anh Hoàng A vẫn không trả lại tiền công cho anh L là vi phạm nghĩa vụ nên anh L khởi kiện yêu cầu anh Hoàng A trả lại số tiền trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn anh Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, buộc anh Hoàng A phải trả cho L số tiền 77.650.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L về việc yêu cầu anh Lưu Văn Hoàng A trả số tiền 9.350.000 đồng.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

Buộc anh Lưu Văn Hoàng A có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền 77.650.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lưu Văn Hoàng A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Lưu Văn Hoàng A phải chịu 3.882.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Nhanh